TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH MINH
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 31/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 6 - 2023
V/v xin ly hôn và
nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Phi Hùng

2. Ông Nguyễn Hữu Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Huyền Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh tham gia phiên toà: thuộc trường hợp không tham gia.

Trong ngày 20 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 118/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2023 về việc "xin ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Bùi Văn Đ, sinh năm 1985

Địa chỉ: Tổ 4, ấp Thuận Phú A, xã Thuận An, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long. Có mặt.

Bị đơn: Chị Dương Thị L, sinh năm 1991

Địa chỉ: Tổ 4, ấp Thuận Phú A, xã Thuận An, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại Đơn khởi kiện đề ngày 17/4/2023 và quá trình giải quyết vụ án, Nguyên

đơn Bùi Văn Đ trình bày: Do mai mối từ trước nên vào năm 2009 anh Đ và chị L tiến tới hôn nhân và được Ủy ban nhân dân xã Thuận An cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 03/11/2009. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, về sau phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cải vã, đã sống ly thân hơn 07 tháng nay, hiện tại vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa. Nay mục đích hôn nhân không Đ nên anh Đ xin ly hôn với chị L.

Về con chung: Giữa anh Đ và chị L có hai con chung tên Bùi Văn Đ, sinh ngày 03/01/2010 và Bùi Thị Như X, sinh ngày 19/02/2012.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đ chưa yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Đ không yêu cầu.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Dương Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Quá trình hôn nhân và mâu thuẫn như lời trình bày của anh Đ, chị đồng ý ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Tuỳ hai con quyết định.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu

* Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn Bùi Văn Đ trình bày: Anh vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với chị L do tình cảm vợ chồng không còn, đã sống ly thân hơn 07 tháng nay, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay tình cảm vợ chồng đã rơi vào tình trạng trầm trọng không thể đoàn tụ, hôn nhân không thể kéo dài, nên anh xin được ly hôn với chị L.

Về con chung: Nếu hai con đồng ý thì anh Đ đồng ý được trực tiếp nuôi dưỡng hai con tên Bùi Văn Điều, sinh ngày 03/01/2010 và Bùi Thị Như Ý, sinh ngày 19/02/2012

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đ chưa yêu cầu chị L cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Đ không yêu cầu.

* Chị Dương Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L đồng ý ly hôn với anh Đ

Về con chung: Chị yêu cầu được quyền nuôi cháu Bùi Thị Như X.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu.

* Cháu Điều và cháu Như Ý đều trình bày: Sau khi anh Đ và chị L ly hôn, hai cháu đồng ý sống chung anh Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Theo lời trình bày của anh Đ thì giữa anh và chị L do tự tìm hiểu rồi tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn và được Uỷ ban nhân dân xã Thuận An cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 03/11/2009.

Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, về sau phát sinh mâu thuẫn do thường xuyên cải vã, hiện tại không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, đã sống ly thân hơn 07 tháng nay nên tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, nên anh yêu cầu được ly hôn với chị L.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên cũng đồng ý ly hôn với anh Đ.

Từ đó cho thấy, hôn nhân giữa anh Đ và chị L đã rơi vào tình trạng trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không Đ được, thêm nữa, chị L và anh Đ đã sống ly thân hơn 07 tháng nay, nên căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa anh Đ và chị L

[2] Về con chung: Giữa anh Bùi Văn Đ và chị Dương Thị L có hai con chung tên Bùi Văn Điều, sinh ngày 03/01/2010 và Bùi Thị Như Ý, sinh ngày 19/02/2012, hiện tại hai cháu đang sống chung với anh Đ, hai cháu có nguyện vọng sống chung anh Đ và anh Đ cũng yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu nên Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục giao hai cháu Bùi Văn Điều và Bùi Thị Như X cho anh Đ được trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Dương Thị L không trực tiếp nuôi dưỡng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh Đ chưa yêu cầu nên chị L chưa phải cấp dưỡng.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Đ và chị L đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh Đ phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa anh Bùi Văn Đ với chị Dương Thị L.

2. Về con chung: Tiếp tục giao hai cháu Bùi Văn Điều, sinh ngày 03/01/2010 và Bùi Thị Như Ý, sinh ngày 19/02/2012 cho anh Đ được trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L chưa phải cấp dưỡng.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc anh Bùi Văn Đ phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh Đ đã nộp tạm ứng số tiền 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền án phí hôn nhân sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0001776, ngày 21/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Minh. Do đó, anh Bùi Văn Đ đã nộp xong.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.